

Số: /2025/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 927/TTr-SNNMT ngày 11 tháng 7 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND các phường, xã; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/cáo);
- Bộ Tài chính (để b/cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, NNMT, KTTTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi

QUY ĐỊNH

Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công (*dịch vụ công*); cơ chế giám sát, đánh giá, chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đối với danh mục sự nghiệp công sau: Kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng giống cây trồng; Chứng nhận quy trình sản xuất VietGAP trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; Chứng nhận chất lượng sản phẩm theo Quy chuẩn Việt Nam; Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm (*HACCP, GMP, ISO 22000:2018*); Kiểm nghiệm chất lượng phân bón; Kiểm nghiệm chất lượng an toàn thực phẩm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước.
- Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phục vụ quản lý nhà nước sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức, đơn vị (*bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập không trực thuộc cơ quan được giao kinh phí để đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công*), hợp tác xã có tư cách pháp nhân, các cá nhân hành nghề độc lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật có chức năng cung ứng sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với yêu cầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công của Nhà nước; các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc tổ chức thực hiện và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp tại Quy định này là các nội dung, yêu cầu mà bên cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phải đáp ứng theo yêu cầu của cơ quan quản lý khi thực hiện nhiệm vụ.

2. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công là mức độ sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công đáp ứng được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Kết quả đánh giá các tiêu chí cần đạt được khi thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp bằng phương thức đánh giá là “Đạt” hoặc “Không đạt”.

3. Nghiệm thu sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước là kết quả của công tác kiểm tra, xác nhận về chất lượng, khối lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công đã được nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cho các đơn vị, tổ chức cung cấp sản phẩm dịch vụ công.

Chương II

TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG; CƠ CHẾ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, KIỂM ĐỊNH VÀ QUY CHẾ KIỂM TRA, NGHIỆM THU DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 4. Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công

1. Cơ quan đặt hàng căn cứ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn để giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu, giám sát, nghiệm thu cho các đơn vị tổ chức cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định pháp luật.

2. Nội dung, tiêu chí tiêu chuẩn chất lượng các dịch vụ lĩnh vực nông nghiệp (*tại các Phụ lục kèm theo*), gồm:

a) *Phụ lục 01*: Tiêu chí tiêu chuẩn chất lượng sự nghiệp công về kiểm nghiệm chất lượng giống cây trồng, phân bón và thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.

b) *Phụ lục 02*: Tiêu chí tiêu chuẩn chất lượng sự nghiệp công về kiểm định chất lượng giống cây trồng.

c) *Phụ lục 03*: Tiêu chí tiêu chuẩn chất lượng sự nghiệp công về chứng nhận quy trình sản xuất VietGAP (*trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản*); chứng nhận chất lượng sản phẩm theo Quy chuẩn Việt Nam.

d) *Phụ lục 04*: Tiêu chí tiêu chuẩn chất lượng sự nghiệp công về chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm (*HACCP, GMP, ISO 22000:2018*).

Điều 5. Cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công

1. Cơ chế giám sát

- Cơ quan đặt hàng thực hiện việc giám sát đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo định kỳ, theo chu kỳ sản xuất hoặc đột xuất nhằm đảm bảo khối lượng, chất lượng dịch vụ công.

- Nội dung giám sát về chất lượng, khối lượng công việc được thực hiện theo các tiêu chí, tiêu chuẩn của Quy định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Trong quá trình giám sát, nếu phát hiện sai sót trong quá trình cung ứng các dịch vụ, các cơ quan đặt hàng yêu cầu bên cung ứng dịch vụ khắc phục, xử lý các sai sót, các vấn đề phát sinh trong quá trình cung ứng dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công.

- Tổ chức cá nhân được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu có trách nhiệm chấp hành đầy đủ sự kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan đặt hàng theo đúng quy định.

2. Đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công

a) Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước căn cứ trên các tiêu chí, tiêu chuẩn tại các Phụ lục kèm theo Quy định này và sử dụng phương thức đánh giá “Đạt”, “Không đạt”.

b) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công được đánh giá theo 2 mức:

- Mức chất lượng dịch vụ được đánh giá là “Đạt”: Nếu tất cả các tiêu chí của dịch vụ đó được đánh giá là “Đạt”.

- Mức chất lượng dịch vụ được đánh giá là “Không đạt”: Nếu có từ 01 tiêu chí trở lên của dịch vụ đó được đánh giá là “Không đạt”.

3. Kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công

- Trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá, các cơ quan được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ muốn kiểm định chất lượng dịch vụ sẽ tiến hành thuê các đơn vị có chức năng phù hợp theo quy định pháp luật thực hiện kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công (nếu cần thiết).

- Kinh phí thực hiện kiểm định: Từ kinh phí của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu.

Điều 6. Quy chế kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, thanh toán, quyết toán dịch vụ sự nghiệp công

1. Kiểm tra dịch vụ sự nghiệp công

- Việc kiểm tra thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện định kỳ hàng quý, cuối năm hoặc vào thời điểm phù hợp với từng loại công việc theo quy định.

- Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm lập báo cáo kết quả thực hiện, gửi kèm văn bản đến cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu để cơ quan tổ chức kiểm tra theo quy định.

2. Nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công

- Việc nghiệm thu được thực hiện trên cơ sở kết quả kiểm tra của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công và được lập thành Biên bản nghiệm thu, làm căn cứ thanh toán, quyết toán theo quy định.

3. Thanh toán, quyết toán dịch vụ sự nghiệp công

- Đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập hồ sơ đề nghị thanh toán theo quy định pháp luật khi chất lượng dịch vụ được nghiệm thu, đánh giá là đánh giá “Đạt”.

- Thời gian cơ quan cung ứng dịch vụ sự nghiệp công nghiệm thu, thanh lý hợp đồng với đơn vị quản lý trước ngày 31 tháng 12 hàng năm và quyết toán theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, xây dựng kế hoạch dự toán kinh phí đặt hàng theo danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp đã được ban hành, trình phê duyệt theo quy định.

2. Hướng dẫn, đôn đốc đơn vị được giao cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước triển khai thực hiện nhiệm vụ đặt hàng hàng năm đạt hiệu quả, đảm bảo đúng khối lượng, chất lượng, định mức và thời gian thực hiện.

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát, nghiệm thu chất lượng dịch vụ theo tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Quyết định này và các quy định khác có liên quan.

4. Căn cứ biên bản kiểm tra tiến độ, nghiệm thu và tài liệu có liên quan cơ quan đặt hàng thanh toán kinh phí cho đơn vị cung ứng dịch vụ và quyết toán kinh phí theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì phối hợp với các Sở Nông nghiệp và Môi trường, bố trí kinh phí thực hiện Quyết định theo quy định tại Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

2. Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và thanh quyết toán theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của UBND các xã, phường

Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Quyết định đảm bảo theo quy định hiện hành.

Điều 10. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ công

1. Thực hiện các nhiệm vụ theo số lượng và chất lượng sản phẩm; cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến nội dung đã thực hiện.

2. Thực hiện cung ứng các dịch vụ đảm bảo đúng quy trình và chất lượng theo tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và theo quyết định đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước hằng năm.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ về nội dung, chất lượng dịch vụ do đơn vị thực hiện cung ứng.

4. Thực hiện thanh quyết toán kinh phí cung ứng dịch vụ theo đúng quy định thực hiện nhiệm vụ với ngân sách nhà nước.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp văn bản Quy phạm pháp luật viện dẫn tại quy định này được sửa đổi, bổ sung thay thế bằng văn bản Quy phạm pháp luật khác thì Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ động rà soát, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh xem xét bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Phụ lục 01:

TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SỰ NGHIỆP CÔNG VỀ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG GIỐNG CÂY TRỒNG, PHÂN BÓN VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tại Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày 01/ 8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá)

1. Nội dung tiêu chí

- **Tiêu chí 1:** Chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức thực hiện dịch vụ công.
- **Tiêu chí 2:** Năng lực tài chính.
- **Tiêu chí 3:** Kinh nghiệm và năng lực của tổ chức tham gia thực hiện dịch vụ sự nghiệp công.
- **Tiêu chí 4:** Nhân sự tham gia thực hiện dịch vụ công.
- **Tiêu chí 5:** Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ thực hiện dịch vụ công.
- **Tiêu chí 6:** Chấp hành quy định kỹ thuật.
- **Tiêu chí 7:** Đánh giá khối lượng, chất lượng công việc theo Quyết định đặt hàng.
- **Tiêu chí 8:** Sản phẩm giao nộp theo Quyết định đặt hàng.

2. Bảng tiêu chí, tiêu chuẩn:

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn đánh giá (Đánh dấu X)		Tài liệu tham chiếu/Sản phẩm đạt được
		Đạt	Không đạt	
I	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KIỂM NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG			
1	Tiêu chí 1: Chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức thực hiện dịch vụ công			
1.1	Có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề lĩnh vực đăng ký kinh doanh phù hợp			Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

1.2	Đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền giao quyền tự chủ tài chính theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập			Quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cơ quan có thẩm quyền.
2	Tiêu chí 2: Năng lực tài chính			
-	Báo cáo quyết toán tài chính 03 năm liền kề trước đó, đảm bảo hoạt động có lãi			Báo cáo quyết toán tài chính hoặc Quyết toán thuế 03 năm liền kề trước đó
3	Tiêu chí 3: Kinh nghiệm và năng lực của tổ chức tham gia thực hiện dịch vụ sự nghiệp công			
3.1	Thời gian hoạt động liên tục trong lĩnh vực kiểm nghiệm giống cây trồng từ 05 năm trở lên			Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.
3.2	Kinh nghiệm trong việc thực hiện các công việc tương tự có liên quan.			Hồ sơ năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ Các Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng thực hiện công việc tương tự
4	Tiêu chí 4: Nhân sự tham gia thực hiện dịch vụ công			
	Nhân lực kỹ thuật đáp ứng tiêu chuẩn tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành: Nông học, cây trồng, trồng trọt, khoa học cây trồng ...; được đào tạo về kiểm nghiệm giống cây trồng			Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động/Hợp đồng giao khoán/Hợp đồng thuê chuyên gia Văn bằng, chứng chỉ của nhân sự tham gia
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ thực hiện dịch vụ công			
5.1	Có phòng thí nghiệm và được sắp xếp phù hợp; có sự tách biệt giữa các bộ phận thí nghiệm.			Hồ sơ chứng minh về cơ sở vật chất của đơn vị. Sơ đồ phòng thí nghiệm
5.2	Đầy đủ trang thiết bị đảm bảo thực hiện hoạt động kiểm nghiệm chất lượng giống cây trồng			Hồ sơ chứng minh về thiết bị, máy móc của đơn vị
5.3	Thiết bị máy móc phục vụ hoạt động dịch vụ đảm bảo hoạt động ổn định, được kiểm định, hiệu chuẩn, bảo trì bảo dưỡng định kỳ			Giấy chứng nhận hiệu chuẩn, bảo trì

6	Tiêu chí 6: Chấp hành quy định kỹ thuật			
6.1	<i>Phương pháp kiểm nghiệm hạt giống Lúa</i>			
-	Độ sạch (% khối lượng)			TCVN 8548:2011; QCVN 01-54:2011; QCVN 01-50:2011; QCVN 01-51:2011
-	Hạt giống có thể phân biệt được (% số hạt)			
-	Hạt cỏ dại nguy hại (số hạt/kg)			
-	Tỷ lệ nảy mầm (% số hạt)			
-	Độ ẩm (% khối lượng)			
-	Khối lượng 1000 hạt (gam)			
6.2	<i>Phương pháp kiểm nghiệm hạt giống Ngô</i>			
-	Độ sạch (% khối lượng)			TCVN 8548:2011; QCVN 01-53:2011; QCVN 01-47:2011
-	Tỷ lệ nảy mầm (% số hạt)			
-	Độ ẩm (% khối lượng)			
6.3	<i>Phương pháp kiểm nghiệm hạt giống Lạc</i>			
-	Độ sạch (% khối lượng quả)			TCVN 8548:2011
-	Quả khác giống có thể phân biệt được (số quả/kg)			
-	Tỷ lệ nảy mầm (% số hạt)			
-	Độ ẩm (% khối lượng hạt)			
6.4	<i>Phương pháp kiểm nghiệm hạt giống Đậu tương</i>			
-	Độ sạch			TCVN 8548:2011; TCVN 9304:2012
-	Hạt hạt giống có thể phân biệt được (% số hạt)			
-	Tỷ lệ nảy mầm (% số hạt)			
-	Độ ẩm (% khối lượng)			
6.5	<i>Phương pháp kiểm nghiệm hạt giống hạt rau các loại</i>			
-	Độ sạch (% khối lượng)			TCVN 8548:2011
-	Tỷ lệ nảy mầm (% số hạt)			
-	Độ ẩm (% khối lượng)			
6.7	<i>Phương pháp kiểm nghiệm củ giống khoai tây</i>			
-	Rệp sáp (số con/100 củ)			TCVN 8549:2011
-	Kích thước củ (% củ có kích thước nhỏ)			
-	Tỷ lệ củ bị xây xát, dị dạng (% số củ)			
-	Tỷ lệ củ khác giống (% số củ)			

-	Củ bị bệnh (% số củ)			
-	Kiểm tra vi rút (% số mẫu thử)			
7	Tiêu chí 7: Đánh giá khối lượng, chất lượng công việc thực hiện theo Quyết định đặt hàng			
7.1	Kết quả theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.			Văn bản đề nghị nghiệm thu kết quả giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công. Báo cáo kết quả thực hiện theo nhiệm vụ đặt hàng. Các hồ sơ liên quan đến công tác lấy mẫu; hồ sơ kiểm nghiệm chất lượng có liên quan.
7.2	Nghiệm thu khối lượng, chất lượng các sản phẩm theo quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.			Biên bản nghiệm thu thể hiện rõ khối lượng, chất lượng và các sản phẩm so với Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.
8	Tiêu chí 8: Sản phẩm giao nộp theo Quyết định đặt hàng			
8.1	Đáp ứng về số lượng theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ			Sản phẩm bàn giao theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ.
8.2	Đạt chất lượng theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ			
	Kết luận	Đạt	Không đạt	
II	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG PHÂN BÓN			
1	Tiêu chí 1: Chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức thực hiện dịch vụ công			
1.1	Có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề lĩnh vực đăng ký kinh doanh phù hợp			Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

1.2	Đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền giao quyền tự chủ tài chính theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập			Quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cơ quan có thẩm quyền.
2	Tiêu chí 2: Năng lực tài chính			
	Báo cáo quyết toán tài chính 03 năm liền kề trước đó, đảm bảo hoạt động có lãi			Báo cáo quyết toán tài chính hoặc quyết toán thuế 03 năm liền kề trước đó.
3	Tiêu chí 3: Kinh nghiệm và năng lực của tổ chức tham gia thực hiện dịch vụ sự nghiệp công			
3.1	Thời gian hoạt động liên tục trong lĩnh vực kiểm nghiệm chất lượng phân bón từ 05 năm trở lên.			Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.
3.2	Kinh nghiệm trong việc thực hiện các công việc tương tự có liên quan.			Hồ sơ năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ Các Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng thực hiện.
4	Tiêu chí 4: Nhân sự tham gia thực hiện dịch vụ công			
	Nhân lực kỹ thuật đáp ứng tiêu chuẩn tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành: Công nghệ hóa; Công nghệ sinh học; Nông nghiệp (trồng trọt, nông học, bảo quản chế biến nông sản).			Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động/Hợp đồng giao khoán/Hợp đồng thuê chuyên gia Văn bằng, chứng chỉ của nhân sự tham gia
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ thực hiện dịch vụ công			
5.1	Có phòng thí nghiệm và được sắp xếp phù hợp; có sự tách biệt giữa các bộ phận thí nghiệm.			Hồ sơ chứng minh về cơ sở vật chất của đơn vị. Sơ đồ phòng thí nghiệm
5.2	Đầy đủ trang thiết bị đảm bảo thực hiện tốt hoạt động kiểm nghiệm chất lượng phân bón.			Hồ sơ chứng minh về thiết bị, máy móc của đơn vị
5.3	Thiết bị máy móc phục vụ hoạt động đảm bảo ổn định, được kiểm định, hiệu chuẩn, bảo trì bảo dưỡng định kỳ.			Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, bảo trì
6	Tiêu chí 6: Chấp hành quy định kỹ thuật			Phương pháp kiểm nghiệm (QCKT quốc gia về chất

				<i>lượng phân bón: QCVN 01 - 189:2019/BNNPTNT)/</i> /Phiếu kết quả kiểm nghiệm
6.1	Yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng phân bón			QCVN về chất lượng phân bón; TCVN tương ứng theo chỉ tiêu kiểm nghiệm
6.2	Yếu tố hạn chế trong phân bón (<i>yếu tố gây hại</i>)			QCVN về chất lượng phân bón; TCVN tương ứng theo chỉ tiêu kiểm nghiệm
7	Tiêu chí 7: Đánh giá khối lượng, chất lượng công việc thực hiện theo Quyết định đặt hàng			
7.1	Kết quả theo quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công			Văn bản đề nghị nghiệm thu kết quả giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các hồ sơ liên quan đến công tác lấy mẫu; hồ sơ kiểm nghiệm chất lượng có liên quan.
7.2	Nghiệm thu khối lượng, chất lượng theo quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công			Biên bản nghiệm thu thể hiện rõ khối lượng, chất lượng và các sản phẩm so với Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.
8	Tiêu chí 8: Sản phẩm giao nộp theo Quyết định đặt hàng			
8.1	Đáp ứng về số lượng theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ			Sản phẩm bàn giao theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ.
8.2	Đạt chất lượng theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ			
	Kết luận	Đạt	Không đạt	

III	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN DỊCH VỤ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG AN TOÀN THỰC PHẨM			
1	Tiêu chí 1: Chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức thực hiện dịch vụ công			
1.1	Có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề lĩnh vực đăng ký kinh doanh phù hợp.			Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.
1.2	Đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền giao quyền tự chủ tài chính theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.			Quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cơ quan có thẩm quyền.
2	Tiêu chí 2: Năng lực tài chính			
	Báo cáo quyết toán tài chính 03 năm liền kề trước đó, đảm bảo hoạt động có lãi.			Báo cáo quyết toán tài chính hoặc quyết toán thuế 03 năm liền kề trước đó.
3	Tiêu chí 3: Kinh nghiệm và năng lực của tổ chức tham gia thực hiện dịch vụ sự nghiệp công			
3.1	Thời gian hoạt động liên tục trong lĩnh vực kiểm nghiệm chỉ tiêu chất lượng an toàn thực phẩm từ 05 năm trở lên.			Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.
3.2	Kinh nghiệm trong việc thực hiện các công việc tương tự có liên quan.			Hồ sơ năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ Các Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng thực hiện.
4	Tiêu chí 4: Nhân sự tham gia thực hiện dịch vụ công			
-	Nhân lực kỹ thuật đáp ứng tiêu chuẩn tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành: Nông nghiệp, Công nghệ hóa; Công nghệ sinh học; Bảo quản chế biến nông sản.			Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động/Hợp đồng giao khoán/Hợp đồng thuê chuyên gia Văn bằng, chứng chỉ của nhân sự tham gia
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ thực hiện dịch vụ công			

5.1	Có phòng thí nghiệm và được sắp xếp phù hợp; có sự tách biệt giữa các bộ phận thí nghiệm.			Hồ sơ chứng minh về cơ sở vật chất của đơn vị. Sơ đồ phòng thí nghiệm
5.2	Đầy đủ trang thiết bị đảm bảo thực hiện tốt hoạt động kiểm nghiệm chất lượng các chỉ tiêu an toàn thực phẩm.			Hồ sơ chứng minh về thiết bị, máy móc của đơn vị
5.3	Thiết bị máy móc phục vụ hoạt động dịch vụ được kiểm định, hiệu chuẩn, bảo trì bảo dưỡng định kỳ.			Giấy chứng nhận hiệu chuẩn, bảo trì
6	Tiêu chí 6: Chấp hành quy định kỹ thuật			Các TCVN; QCVN tương ứng/Phiếu kết quả kiểm nghiệm
6.1	Nhóm độc tố			QCVN 8-1:2011/BYT; TCVN tương ứng theo chỉ tiêu kiểm nghiệm
6.2	Nhóm kim loại nặng			QCVN 8-2:2011/BYT; TCVN tương ứng theo chỉ tiêu kiểm nghiệm
6.3	Nhóm kháng sinh			Thông tư; TCVN tương ứng theo chỉ tiêu kiểm nghiệm
6.4	Nhóm kích thích tăng trưởng			Thông tư; TCVN tương ứng theo chỉ tiêu kiểm nghiệm
6.5	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật			Thông tư; TCVN tương ứng theo chỉ tiêu kiểm nghiệm
6.6	Nhóm phụ gia trong thực phẩm (chất tạo ngọt, chất tạo ngọt, phẩm màu...)			Thông tư, QCVN 4-6:2010/BYT; QCVN 4-8:2010/BYT; QCVN 4-10:2010/BYT; QCVN 4-12:2010/BYT; TCVN tương ứng theo chỉ tiêu kiểm nghiệm.
6.7	Vi sinh vật			QCVN 8-3:2012/BYT; TCVN tương ứng theo chỉ tiêu kiểm nghiệm
6.8	Thành phần dinh dưỡng			TCVN tương ứng theo chỉ tiêu kiểm nghiệm
7	Tiêu chí 7: Đánh giá khối lượng, chất lượng công việc thực hiện theo Quyết định đặt hàng			

7.1	Kết quả theo quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công			Văn bản đề nghị nghiệm thu kết quả giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các hồ sơ liên quan đến công tác lấy mẫu; hồ sơ kiểm nghiệm chất lượng có liên quan.
7.2	Nghiệm thu khối lượng, chất lượng theo quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công			Biên bản nghiệm thu thể hiện rõ khối lượng, chất lượng và các sản phẩm so với Quyết định giao đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.
8	Tiêu chí 8: Sản phẩm giao nộp theo Quyết định đặt hàng			
8.1	Đáp ứng về số lượng theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công			Sản phẩm bàn giao theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.
8.2	Đạt chất lượng theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ			
KẾT LUẬN		Đạt	Không đạt	

** Ghi chú: Khi các tiêu chuẩn, quy chuẩn hết hiệu lực sẽ được thay thế bằng tiêu chuẩn, quy chuẩn tương ứng.*

Phụ lục 02:**TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SỰ NGHIỆP CÔNG VỀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIỐNG CÂY TRỒNG**

(Kèm theo Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tại Quyết định số: 99 /2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá)

1. Nội dung tiêu chí

- **Tiêu chí 1:** Chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức thực hiện dịch vụ công.
- **Tiêu chí 2:** Năng lực tài chính.
- **Tiêu chí 3:** Kinh nghiệm và năng lực của tổ chức tham gia thực hiện dịch vụ sự nghiệp công
- **Tiêu chí 4:** Nhân sự tham gia thực hiện dịch vụ công.
- **Tiêu chí 5:** Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ thực hiện dịch vụ công.
- **Tiêu chí 6:** Chấp hành quy định kỹ thuật.
- **Tiêu chí 7:** Đánh giá khối lượng, chất lượng công việc theo Quyết định đặt hàng.
- **Tiêu chí 8:** Sản phẩm giao nộp theo Quyết định đặt hàng.

2. Bảng tiêu chí, tiêu chuẩn:

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn đánh giá (Đánh dấu X)		Tài liệu tham chiếu/ sản phẩm đạt được
		Đạt	Không đạt	
1	Tiêu chí 1: Chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức thực hiện dịch vụ công			
1.1	Có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề lĩnh vực đăng ký kinh doanh phù hợp.			Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.
1.2	Đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền giao quyền tự chủ tài chính theo cơ			Quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cơ quan có thẩm quyền.

	chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.			
2	Tiêu chí 2: Năng lực tài chính			
	Báo cáo quyết toán tài chính 03 năm liền kề trước đó, đảm bảo hoạt động có lãi.			Báo cáo quyết toán tài chính hoặc quyết toán thuế 03 năm liền kề trước đó.
3	Tiêu chí 3: Kinh nghiệm và năng lực của tổ chức tham gia thực hiện dịch vụ công			
3.1	Thời gian hoạt động liên tục trong lĩnh vực kiểm định từ 05 năm trở lên.			Tổ chức có từ 04 chuyên gia kiểm định giống cây trồng được cấp chứng chỉ theo quy định pháp luật. Trong đó có 02 chuyên gia có kinh nghiệm kiểm định từ 05 năm trở lên.
3.2	Kinh nghiệm trong việc thực hiện các công việc tương tự có liên quan.			- Hồ sơ năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ. - Các Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng thực hiện.
4	Tiêu chí 4: Nhân sự tham gia thực hiện dịch vụ công			
	Nhân lực kỹ thuật đáp ứng tiêu chuẩn tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành: Nông học, cây trồng, trồng trọt, khoa học cây trồng ... được đào tạo về kiểm định giống cây trồng			Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động/Hợp đồng giao khoán/Hợp đồng thuê chuyên gia. Văn bằng, chứng chỉ của nhân sự tham gia.
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ thực hiện dịch vụ công			
5.1	Có phòng làm việc được sắp xếp phù hợp.			Hồ sơ chứng minh về cơ sở vật chất của đơn vị.
5.2	Có các thiết bị văn phòng chủ yếu như máy tính, máy in, máy photocopy.			
5.3	Được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.			
6	Tiêu chí 6: Chấp hành quy định kỹ thuật			
6.1	Thu thập thông tin về lô ruộng giống			TCVN 8550:2018; QCVN 01- 54:2011;

6.2	Đánh giá chung lô ruộng giống			QCVN 01-50:2011; QCVN 01-51:2011; QCVN 01-53:2011; QCVN 01-47:2011; TCVN 9304:2012.
6.3	Chia lô kiểm định			
6.4	Xác định điểm kiểm định			
6.5	Xác định số cây kiểm tra tại một điểm kiểm định			
6.6	Đánh giá tại mỗi điểm kiểm định			
6.7	Tổng hợp kết quả kiểm định lô ruộng giống và lập báo cáo			
7	Tiêu chí 7: Đánh giá khối lượng, chất lượng công việc thực hiện theo Quyết định đặt hàng			
7.1	Kết quả theo quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.			Văn bản đề nghị nghiệm thu kết quả giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các hồ sơ liên quan đến công tác kiểm định chất lượng có liên quan.
7.2	Cơ quan giao nhiệm vụ tiến hành nghiệm thu khối lượng, chất lượng và các sản phẩm.			Biên bản nghiệm thu thể hiện rõ khối lượng, chất lượng và các sản phẩm so với Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.
8	Tiêu chí 8: Sản phẩm giao nộp theo Quyết định đặt hàng			
8.1	Đáp ứng về số lượng theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.			Sản phẩm bàn giao theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.
8.2	Đạt chất lượng theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.			
KẾT LUẬN		Đạt	Không đạt	

** Ghi chú: Khi các tiêu chuẩn, quy chuẩn hết hiệu lực sẽ được thay thế bằng tiêu chuẩn, quy chuẩn tương ứng.*

Phụ lục 03:

**TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SỰ NGHIỆP CÔNG VỀ
CHỨNG NHẬN QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT
VIETGAP (TRỒNG TRỌT, CHĂN NUÔI VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN);
CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM PHÙ HỢP QUY CHUẨN VIỆT NAM**

*(Kèm theo Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công lập
sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng
và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà
nước lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tại Quyết định số:
99 /2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá)*

1. Nội dung tiêu chí

- **Tiêu chí 1:** Chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức thực hiện dịch vụ công.
- **Tiêu chí 2:** Năng lực tài chính.
- **Tiêu chí 3:** Kinh nghiệm và năng lực của tổ chức tham gia thực hiện dịch vụ sự nghiệp công.
- **Tiêu chí 4:** Nhân sự tham gia thực hiện dịch vụ công.
- **Tiêu chí 5:** Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ thực hiện dịch vụ công.
- **Tiêu chí 6:** Chấp hành quy định kỹ thuật.
- **Tiêu chí 7:** Đánh giá khối lượng, chất lượng công việc theo Quyết định đặt hàng.
- **Tiêu chí 8:** Sản phẩm giao nộp theo Quyết định đặt hàng.

2. Bảng tiêu chí, tiêu chuẩn:

Stt	Tiêu chí đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (Đánh dấu X)		Tài liệu tham chiếu/ sản phẩm đạt được
		Đạt	Không đạt	
1	Tiêu chí 1: Chức năng nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức cung cấp dịch vụ công			
1.1	Có chức năng nhiệm vụ hoặc ngành nghề lĩnh vực đăng ký kinh doanh phù hợp.			Quyết định thành lập, quyết định chức năng nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Stt	Tiêu chí đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (Đánh dấu X)		Tài liệu tham chiếu/ sản phẩm đạt được
		Đạt	Không đạt	
1.2	Đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền giao quyền tự chủ tài chính theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.			Quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cơ quan có thẩm quyền.
2	Tiêu chí 2: Năng lực tài chính			
	Báo cáo quyết toán tài chính 03 năm liền kề trước đó, đảm bảo hoạt động có lãi.			Báo cáo quyết toán tài chính hoặc quyết toán thuế 03 năm liền kề trước đó.
3	Tiêu chí 3: Kinh nghiệm và năng lực của tổ chức tham gia cung cấp dịch vụ công			
3.1	Thời gian hoạt động liên tục trong lĩnh vực đăng ký hoạt động từ 05 năm trở lên.			Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc Quyết định chỉ định theo quy định pháp luật đối với chứng nhận tiêu chuẩn và chứng nhận quy chuẩn Việt Nam.
3.2	Kinh nghiệm trong việc thực hiện các công việc tương tự có liên quan.			Hồ sơ năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ Các quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng thực hiện tương tự
4	Tiêu chí 4: Nhân lực tham gia thực hiện dịch vụ công			
4.1	Nhân lực kỹ thuật đáp ứng tiêu chuẩn tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành: Nông học; cây trồng; trồng trọt, khoa học cây trồng, công nghệ sinh học; sinh học hoặc các ngành có chuyên môn phù hợp; được đào tạo về chương trình chứng nhận tương ứng.			Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động/Hợp đồng giao khoán công việc/Hợp đồng thuê chuyên gia
4.2	Đảm bảo duy trì tối thiểu 02 nhân sự tham gia trong từng lĩnh vực chứng nhận tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam tương ứng.			Văn bằng, chứng chỉ của nhân sự tham gia và hồ sơ thực hiện kèm theo

Stt	Tiêu chí đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (Đánh dấu X)		Tài liệu tham chiếu/ sản phẩm đạt được
		Đạt	Không đạt	
4.3	Nhân sự là viên chức hoặc lao động ký hợp đồng từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn, được đào tạo và có kinh nghiệm trong việc thực hiện các công việc tương tự 20 công đánh giá và 03 năm công tác chứng nhận.			
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ thực hiện dịch vụ công			
5.1	Có phòng làm việc được sắp xếp phù hợp.			Hồ sơ chứng minh về cơ sở vật chất của đơn vị.
5.2	Có các thiết bị văn phòng chủ yếu như máy tính, máy in, máy photocopy.			
6	Tiêu chí 6: Chấp hành quy định kỹ thuật			
6.1	Giai đoạn ban đầu			TCVN 11892-1:2017; TCVN 13528-1:2022; Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN; Các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam tương ứng/Hợp đồng chứng nhận
6.2	Giai đoạn chuẩn bị đánh giá			TCVN 11892-1:2017; TCVN 13528-1:2022; Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN; Các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam tương ứng/Quyết định thành lập đoàn đánh giá; Kế hoạch đánh giá; Chương trình đánh giá.
6.3	Giai đoạn đánh giá tại cơ sở			TCVN IEC/ISO 17065:2013; TCVN 11892-1:2017; TCVN 13528-1:2022; Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN; Các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam tương ứng: Báo cáo

Stt	Tiêu chí đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (Đánh dấu X)		Tài liệu tham chiếu/ sản phẩm đạt được
		Đạt	Không đạt	
				đánh giá chứng nhận; Báo cáo hành động khắc phục (nếu có)
-	Thực hiện đánh giá hiện trường và hồ sơ quản lý chất lượng.			TCVN 11892-1:2017; TCVN 13528-1:2022; Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN; Các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam tương ứng Báo cáo đánh giá chứng nhận; Báo cáo hành động khắc phục (nếu có)
-	Lấy mẫu điển hình trong đánh giá chứng nhận.			Theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) lấy mẫu tương ứng với từng đối tượng sản phẩm chứng nhận/ Biên bản lấy mẫu điển hình
-	Lập hồ sơ kết quả mẫu thử nghiệm: Kiểm tra kết quả thử nghiệm mẫu, so sánh với giới hạn tối đa cho phép hiện hành.			Theo các tiêu chuẩn kiểm nghiệm tương ứng với từng đối tượng chứng nhận/Phiếu kết quả kiểm nghiệm mẫu.
6.4	Thẩm xét hồ sơ đánh giá và đề nghị chứng nhận.			TCVN IEC/ISO 17065:2013; TCVN 11892-1:2017; TCVN 13528-1:2022; Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN; Các Quy chuẩn Việt Nam tương ứng /Báo cáo thẩm xét
6.5	Kết thúc hồ sơ đánh giá và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận, thông báo sử dụng dấu hiệu chứng nhận			TCVN IEC/ ISO 17065:2013; TCVN 11892-1:2017; TCVN 13528-1:2022; Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN; Các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam tương ứng /Quyết định cấp giấy chứng nhận; Giấy chứng nhận; Thông báo sử dụng dấu hiệu chứng nhận

Stt	Tiêu chí đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (Đánh dấu X)		Tài liệu tham chiếu/ sản phẩm đạt được
		Đạt	Không đạt	
7	Tiêu chí 7: Đánh giá khối lượng, chất lượng công việc thực hiện theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ			
7.1	Kết quả theo quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công			Văn bản đề nghị nghiệm thu kết quả giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các hồ sơ liên quan đến công tác kiểm định chất lượng có liên quan.
7.2	Nghiệm thu khối lượng, chất lượng theo quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.			Biên bản nghiệm thu thể hiện rõ khối lượng, chất lượng và các sản phẩm so với Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.
8	Tiêu chí 8: Sản phẩm giao nộp theo Quyết định đặt hàng/giao nhiệm vụ			
8.1	Đáp ứng về số lượng, theo - Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công			Sản phẩm bàn giao theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công
8.2	Đạt chất lượng theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công			Đạt tất cả các tiêu chí
KẾT LUẬN		Đạt	Không đạt	

** Ghi chú: Khi các tiêu chuẩn, quy chuẩn hết hiệu lực sẽ được thay thế bằng tiêu chuẩn, quy chuẩn tương ứng.*

Phụ lục 04:

**TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SỰ NGHIỆP CÔNG VÀ
CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM
(HACCP, GMP, ISO 22000:2018)**

(Kèm theo Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tại Quyết định số: 99 /2025/QĐ-UBND ngày 01/8 /2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá)

1. Nội dung tiêu chí

- **Tiêu chí 1:** Chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức thực hiện dịch vụ công.
- **Tiêu chí 2:** Năng lực tài chính.
- **Tiêu chí 3:** Kinh nghiệm và năng lực của tổ chức tham gia thực hiện dịch vụ sự nghiệp công.
- **Tiêu chí 4:** Nhân sự tham gia thực hiện dịch vụ công.
- **Tiêu chí 5:** Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ thực hiện dịch vụ công.
- **Tiêu chí 6:** Chấp hành quy định kỹ thuật.
- **Tiêu chí 7:** Đánh giá khối lượng, chất lượng công việc theo Quyết định đặt hàng.
- **Tiêu chí 8:** Sản phẩm giao nộp theo Quyết định đặt hàng.

2. Bảng tiêu chí, tiêu chuẩn:

Stt	Tiêu chí đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (Đánh dấu X)		Tài liệu tham chiếu/ sản phẩm đạt được
		Đạt	Không đạt	
1	Tiêu chí 1: Chức năng nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức cung cấp dịch vụ công			
1.1	Có chức năng nhiệm vụ hoặc ngành nghề lĩnh vực đăng ký kinh doanh phù hợp.			Quyết định thành lập, quyết định chức năng nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.
1.2	Đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền giao			Quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cơ quan có thẩm quyền

Stt	Tiêu chí đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (Đánh dấu X)		Tài liệu tham chiếu/ sản phẩm đạt được
		Đạt	Không đạt	
	quyền tự chủ tài chính theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.			
2	Tiêu chí 2: Năng lực tài chính			
	Báo cáo quyết toán tài chính 03 năm liền kề trước đó, đảm bảo hoạt động có lãi.			Báo cáo quyết toán tài chính hoặc quyết toán thuế 03 năm liền kề trước đó
3	Tiêu chí 3: Kinh nghiệm và năng lực của tổ chức tham gia cung cấp dịch vụ công			
	Thời gian hoạt động liên tục trong lĩnh vực đăng ký hoạt động từ 05 năm trở lên.			Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc Quyết định chỉ định theo quy định pháp luật đối với chứng nhận tiêu chuẩn và chứng nhận quy chuẩn Việt Nam
4	Tiêu chí 4: Nhân lực tham gia thực hiện dịch vụ công			
4.1	Nhân lực kỹ thuật đáp ứng tiêu chuẩn tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành: công nghệ sinh học, công nghệ thực phẩm, hoá học hoặc các ngành có chuyên môn phù hợp; được đào tạo về chương trình chứng nhận tương ứng.			Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động/Hợp đồng giao khoán công việc/Hợp đồng thuê chuyên gia Văn bằng, chứng chỉ của nhân sự tham gia và hồ sơ thực hiện kèm theo
4.2	Đảm bảo duy trì tối thiểu 02 nhân sự tham gia lĩnh vực chứng nhận tương ứng.			
4.3	Nhân sự là viên chức hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn từ 12 tháng trở lên, tốt nghiệp từ đại học trở lên, được đào tạo và có kinh nghiệm trong việc thực hiện các công việc tương tự 20 công đánh giá và 03 năm công tác chứng nhận.			

Stt	Tiêu chí đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (Đánh dấu X)		Tài liệu tham chiếu/ sản phẩm đạt được
		Đạt	Không đạt	
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ thực hiện dịch vụ công			
5.1	Có phòng làm việc được sắp xếp phù hợp			Hồ sơ chứng minh về cơ sở vật chất của đơn vị.
5.2	Có các thiết bị văn phòng chủ yếu như máy tính, máy in, máy photocopy			
6	Tiêu chí 6: Chấp hành quy định kỹ thuật			
6.1	Giai đoạn 1			ISO 17021:2015/ ISO 22003:2022/ Hợp đồng chứng nhận tương ứng; quyết định thành lập đoàn đánh giá; Kế hoạch đánh giá; Chương trình đánh giá; Báo cáo đánh giá ban đầu; báo cáo kết quả hành động khắc phục (nếu có)
-	Chuẩn bị đánh giá			
-	Đánh giá ban đầu			
6.2	Giai đoạn 2			ISO 17021:2015/ ISO 22003:2022/Kế hoạch đánh giá; Báo cáo đánh giá chứng nhận; báo cáo kết quả hành động khắc phục (nếu có)
-	Thông báo kế hoạch đánh giá			
-	Đánh giá chính thức			
6.3	Thẩm xét hồ sơ đánh giá và đề nghị chứng nhận			ISO 17021:2015/ ISO 22003:2022/Báo cáo thẩm xét
6.4	Kết thúc hồ sơ đánh giá và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận			ISO 17021:2015/ ISO 22003:2022/Quyết định cấp giấy chứng nhận chứng nhận; Giấy chứng nhận và thông báo sử dụng dấu hiệu chứng nhận
7	Tiêu chí 7: Đánh giá khối lượng, chất lượng công việc thực hiện theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ			
7.1	Kết quả theo quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công			Văn bản đề nghị nghiệm thu kết quả giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công. Báo cáo kết quả thực hiện

Stt	Tiêu chí đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (Đánh dấu X)		Tài liệu tham chiếu/ sản phẩm đạt được
		Đạt	Không đạt	
				nhiệm vụ. Các hồ sơ liên quan đến công tác kiểm định chất lượng có liên quan.
7.2	Nghiệm thu khối lượng, chất lượng theo quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.			Biên bản nghiệm thu thể hiện rõ khối lượng, chất lượng và các sản phẩm so với Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.
8	Tiêu chí 8: Sản phẩm giao nộp theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ			
8.1	Đáp ứng về số lượng, theo - Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công			Sản phẩm bàn giao theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công
8.2	Đạt chất lượng theo Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công			Đạt tất cả các tiêu chí
KẾT LUẬN		Đạt	Không đạt	

** Ghi chú: Khi các tiêu chuẩn, quy chuẩn hết hiệu lực sẽ được thay thế bằng tiêu chuẩn, quy chuẩn tương ứng./.*